TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/DS-ST
Ngày 29 -7- 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần N3; địa chỉ trụ sở: Số A T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội (nay là phường H, Thành phố Hà Nội).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Hữu T; ông Phạm Nhật P; ông Mai Thanh H; bà Bùi Thị Kim N; địa chỉ liên hệ (nhận văn bản): Ngân hàng Thương mại cổ phần N3 - C. Số 185-187 Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 27/12/2024). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đỗ Anh K, sinh năm 1984 và bà Trần Thị N1, sinh năm 1987; cùng địa chỉ thường trú: Số G (19/77) đường Đ, Tổ G, Khu phố I, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần N3 – Chi nhánh B đã cấp tín dụng cho ông Nguyễn Đỗ Anh K và bà Trần Thị N1 dưới hình thức cho vay không có tài sản bảo đảm theo Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 008D16/CN/CNV ngày 19/01/2016 số tiền 80.000.000 đồng. Mục đích vay: Tiêu dùng hợp pháp (sửa chữa nhà ở). Thời hạn vay 36 tháng. Lãi suất cho vay theo hợp đồng là: Giai đoạn 1: Áp dụng lãi suất 10.7%/năm cố định trong 12 tháng đầu tiên kể từ thời điểm mở tài khoản vay; Giai đoạn 2: Áp dụng lãi suất cho vay tiêu dùng trung hạn cho cán bộ nhân viên, được điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay trong từng thời kỳ.

Ngày 19/01/2016, Ngân hàng Thương mại cổ phần N3 đã giải ngân cho ông Nguyễn Đỗ Anh K và bà Trần Thị N1 số tiền 80.000.000 đồng. Thời hạn khoản vay đến hết ngày 21/01/2019. Từ ngày 12/6/2017 đến nay khoản vay của ông Nguyễn Đỗ Anh K và bà Trần Thị N1 đã phát sinh nợ quá hạn, vi phạm điều khoản thoả thuận tại hợp đồng.

Tính đến ngày 29/7/2025, ông Nguyễn Đỗ Anh K và bà Trần Thị N1 đã trả được nợ gốc là 33.252.716 đồng và còn nợ số tiền gốc 46.747.284 đồng và nợ lãi là 65.336.890 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng Thương mại cổ phần N3 khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

1. Buộc ông Nguyễn Đỗ Anh K và bà Trần Thị N1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N3 số tiền nợ tính đến ngày 29/7/2025 là 112.084.174 đồng. Gồm: Nợ gốc: 46.747.284 đồng. Nợ lãi: 45.138.471 đồng. Lãi phạt: 20.198.419 đồng.

2. Buộc ông Nguyễn Đỗ Anh K và bà Trần Thị N1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N3 tiền lãi phát sinh đối với số tiền còn nợ theo lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 008D16/CN/CNV ngày 19/01/2016 từ ngày 30/7/2025 cho đến ngày trả hết nợ.

Nguyên đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ sau: Điều lệ; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh; Quyết định bổ nhiệm; Giấy uỷ quyền; CCCD; Chứng nhận kết hôn; Giấy đề nghị cấp tín dụng kiêm phương án trả nợ; Hợp đồng cho vay, Giấy nhận nợ, Biên bản làm việc.

2. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Cụ thể yêu cầu Toà án giải quyết:

1. Buộc ông Nguyễn Đỗ Anh K và bà Trần Thị N1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N3 số tiền nợ tính đến ngày 29/7/2025 là 112.084.174 đồng. Gồm: Nợ gốc: 46.747.284 đồng. Nợ lãi: 45.138.471 đồng. Lãi phạt: 20.198.419 đồng.

2. Buộc ông Nguyễn Đỗ Anh K và bà Trần Thị N1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N3 tiền lãi phát sinh đối với số tiền còn nợ theo lãi suất thoả thuận

tại Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 008D16/CN/CNV ngày 19/01/2016 từ ngày 30/7/2025 cho đến ngày trả hết nợ.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng Thương mại cổ phần N3 có đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đỗ Anh K và bà Trần Thị N1 phải trả số tiền vay và lãi suất theo hợp đồng tín dụng nên đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[1.2]. Về thẩm quyền: Ngân hàng Thương mại cổ phần N3 khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Nguyễn Đỗ Anh K và bà Trần Thị N1, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông Nguyễn Đỗ Anh K và bà Trần Thị N1 đang cư trú tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một (nay là Toà án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Tại phiên toà, bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Căn cứ Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 008D16/CN/CNV ngày 19/01/2016 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần N3 – Chi nhánh B và ông Nguyễn Đỗ Anh K, bà Trần Thị N1 có thỏa thuận với nhau về việc cấp tín dụng cho ông Nguyễn Đỗ Anh K và bà Trần Thị N1 để tiêu dùng, với hạn mức tín dụng là 80.000.000 đồng.

Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự trong hợp đồng cấp tín dụng là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định của pháp luật nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết. Do đó, hợp đồng phát sinh hiệu lực đối với các bên.

[2.2] Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N3 xác định do bị đơn ông Nguyễn Đỗ Anh K và bà Trần Thị N1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần N3, từ đó dẫn đến phát sinh tranh chấp. Ngân hàng Thương mại cổ phần N3 khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đỗ Anh K và bà Trần Thị N1 phải trả số tiền nợ vay tính đến ngày 29/7/2025 là 112.084.174 đồng. Gồm: Nợ gốc: 46.747.284 đồng. Nợ lãi: 45.138.471 đồng. Lãi phạt: 20.198.419 đồng và lãi phát sinh đối với số tiền còn nợ theo lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 008D16/CN/CNV ngày 19/01/2016 từ ngày 30/7/2025 cho đến ngày trả hết nợ.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Đỗ Anh K và bà Trần Thị N1 trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, xem như ông Nguyễn Đỗ Anh K và bà Trần Thị N1 đã từ bỏ quyền chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Đỗ Anh K và bà Trần Thị N1. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.3] Xét thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Đỗ Anh K và bà Trần Thị N1 đã không thanh toán tiền nợ gốc, lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N3 theo đúng thoả thuận. Ngân hàng Thương mại cổ phần N3 đã nhiều lần thông báo nhắc nợ, nhưng ông Nguyễn Đỗ Anh K và bà Trần Thị N1 vẫn không trả nợ là đã vi phạm thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 008D16/CN/CNV ngày 19/01/2016 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần N3 và ông Nguyễn Đỗ Anh K, bà Trần Thị N1. Do đó, từ ngày 12/6/2017 khoản nợ của ông Nguyễn Đỗ Anh K và bà Trần Thị N1 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N3 đã chuyển sang nợ quá hạn.

Ngân hàng Thương mại cổ phần N3 khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đỗ Anh K và bà Trần Thị N1 phải trả số tiền nợ tính đến ngày 29/7/2025 là 112.084.174 đồng. Gồm: Nợ gốc: 46.747.284 đồng. Nợ lãi: 45.138.471 đồng. Lãi phạt: 20.198.419 đồng là có căn cứ chấp nhận, phù hợp quy định tại các điều 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụngnăm 2010, sửa đổi sung năm 2017.

[2.4] Từ ngày 30/7/2025 cho đến khi trả hết khoản nợ, ông Nguyễn Đỗ Anh K và bà Trần Thị N1 còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N3 tiền lãi phát sinh theo thoả thuận tại Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 008D16/CN/CNV ngày 19/01/2016.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N3 đối với bị đơn ông Nguyễn Đỗ Anh K và bà Trần Thị N1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[3]. Tại phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí đối với số tiền nguyên đơn được chấp nhận, tương đương án phí là 5.604.209 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N3 đối với bị đơn ông Nguyễn Đỗ Anh K và bà Trần Thị N1 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

1.1 Buộc ông Nguyễn Đỗ Anh K và bà Trần Thị N1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N3 số tiền nợ tính đến ngày 29/7/2025 là 112.084.174 đồng. Gồm: Nợ gốc: 46.747.284 đồng. Nợ lãi: 45.138.471 đồng. Lãi phạt: 20.198.419 đồng.

1.2 Ông Nguyễn Đỗ Anh K và bà Trần Thị N1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N3 tiền lãi phát sinh từ ngày 30/7/2025 trở đi theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 008D16/CN/CNV ngày 19/01/2016 cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Đỗ Anh K và bà Trần Thị N1 phải chịu án phí là 5.604.209 đồng (năm triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn hai trăm lẻ chín đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N3 số tiền 2.704.000 đồng (hai triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24 số 0009011, ngày 16/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Nga